

VẬN DỤNG LÝ THUYẾT HỌC TẬP TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC CÁC MÔN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC Ở CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI

APPLYING EXPERIENTIAL LEARNING THEORY IN TEACHING SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES TO MEET THE REQUIREMENTS OF DIGITAL TRANSFORMATION IN EDUCATION AT MILITARY OFFICER COLLEGES

PHẠM HỒNG QUÂN, phamhongquanspqs@gmail.com

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 18/3/2025 Ngày nhận lại: 13/5/2025 Duyệt đăng: 18/06/2025 Mã số: TCKH-S02T06-2025-B05 ISSN: 2354 - 0788</p>	<p>Trước bối cảnh chuyển đổi số (CDS) trong giáo dục ở các trường sĩ quan quân đội (TSQQĐ) hiện nay, vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm (LHTTN) trong dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV) có vai trò đặc biệt quan trọng, giúp phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực của học viên đặc biệt là tính chủ động trong tiếp cận kiến thức; khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn thông qua các hoạt động trải nghiệm thực tế ngay trong quá trình dạy học; tư duy phân biện, sự thích ứng với thực tiễn hoạt động quân sự. Tuy nhiên, thực trạng vận dụng lý thuyết trên trong dạy học các môn KHXH&NV ở các TSQQĐ hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, như: chương trình dạy học chậm đổi mới, kinh nghiệm tổ chức dạy học trải nghiệm của đội ngũ giảng viên còn hạn chế, phương pháp giảng dạy còn mang tính truyền thống. Trên cơ sở nghiên cứu lợi ích, sự cần thiết và thực trạng, bài viết đề xuất một số giải pháp vận dụng LHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học trong bối cảnh CDS ở các TSQQĐ thời gian tới.</p>
<p>Từ khóa: Học tập trải nghiệm, chuyển đổi số, khoa học xã hội và nhân văn, trường sĩ quan quân đội.</p> <p>Keywords: Experiential learning, digital transformation, social sciences and humanities, military officer college.</p>	<p>ABSTRACT ABSTRACTIn the context of digital transformation in education at military officer colleges today, applying experiential learning theory (ELT) in teaching social sciences and humanities plays a particularly important role, which helps comprehensively develop the qualities and capacities of cadets, especially the initiative in accessing knowledge, the ability to apply theory into practice through practical experience activities right in the teaching process; critical thinking, adaptation to military operations. However, the current situation of applying the above theory in teaching social sciences and humanities at military officer colleges still faces many difficulties, such as: slow innovation of teaching programs, limited experience in organizing experiential teaching of the teaching staff, and traditional teaching methods. Based on the study of benefits, necessity and current situation, the article proposes solutions to apply ELT in teaching social sciences and humanities, contributing to improving the quality and effectiveness of teaching in the context of digital transformation in military officer colleges in the coming time.</p>

1. Mở đầu

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông, cùng với sự thay đổi nhanh chóng trong môi trường xã hội, việc CDS trong giáo dục đã và đang trở thành một yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là ở các TSQQĐ. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định: Chuyên mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý dạy và học trực tuyến, qua internet, truyền hình, các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học (Đảng CSVN, 2021). Đặc biệt, đối với quá trình dạy học các môn KHXH&NV ở các TSQQĐ, những môn học có vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách, phẩm chất chính trị, đạo đức, tư duy phản biện và rèn luyện kỹ năng mềm như: Giao tiếp, phân tích và giải quyết vấn đề của người sĩ quan tương lai (Tùng, L.H, 2022), việc CDS sẽ tạo ra môi trường học tập linh hoạt, kết nối trực tiếp giữa giảng viên và học viên qua các nền tảng trực tuyến, giúp việc giảng dạy trở nên phong phú và sinh động hơn. Thông qua các công cụ số, học viên có thể dễ dàng tiếp cận tài liệu học tập, nghiên cứu, thảo luận và tham gia các hoạt động học tập mọi lúc, mọi nơi. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian và chi phí, mà còn nâng cao sự chủ động và tính linh hoạt trong quá trình học tập của học viên. Để đáp ứng yêu cầu CDS, việc vận dụng LHTTTN vào dạy học các môn KHXH&NV không chỉ giúp học viên tiếp thu kiến thức một cách chủ động mà còn phát triển các kỹ năng cần thiết trong môi trường số hóa. LHTTTN với trọng tâm là học qua hành động và thực tiễn sẽ mang lại những lợi ích thiết thực trong việc dạy học các môn KHXH&NV góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ sĩ quan ở các TSQQĐ hiện nay.

Tuy nhiên, thực trạng vận dụng LHTTTN trong dạy học các môn KHXH&NV ở các TSQQĐ hiện nay vẫn còn tồn tại những hạn chế, như: nhận thức của giảng viên và học viên về LHTTTN chưa toàn diện, sâu sắc; Nội dung dạy học còn nặng về lý thuyết, dàn trải, thiếu chất lượng, chưa thật sát với chức trách, nhiệm vụ ở đơn vị (Đặng, L.H, 2024); Một số giảng viên trình độ ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, kỹ năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại vào quá trình giảng dạy chưa thành thạo nên có tâm lý e ngại khi đổi mới phương pháp dạy học (Dũng, B.Đ, 2021); Một số TSQQĐ đã bắt đầu áp dụng các công nghệ số trong dạy học, như: học trực tuyến, phần mềm mô phỏng hoặc các

công cụ trực tuyến cho phép thảo luận nhóm, nhưng việc khai thác và vận dụng công nghệ này trong các môn KHXH&NV chưa đạt được kết quả tối ưu; việc xây dựng các mô phỏng thực tế, các tình huống giả định hay các hoạt động nghiên cứu tình huống xã hội để học viên có thể trải nghiệm và áp dụng lý thuyết vào thực tiễn còn chưa được triển khai một cách đồng bộ và hiệu quả. Do đó, các TSQQĐ cần tìm ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả vận dụng LHTTTN trong dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CDS trong giáo dục hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái niệm

Thuật ngữ “Experiential learning” được các tác giả trong nước và trên thế giới gọi bằng những tên khác nhau như: Học tập trải nghiệm; Học tập qua trải nghiệm; Học tập bằng trải nghiệm; Học tập dựa vào trải nghiệm; Học tập dựa trên kinh nghiệm... nhưng dù gọi như thế nào thì đều thống nhất với nhau về ý nghĩa. Theo J.Dewey thì: Học tập trải nghiệm là quá trình người học tham gia vào các hoạt động học tập, họ chiêm nghiệm lại, phản ánh lại những tri thức mới vào đầu óc từ đó tạo cơ sở cho sự đánh giá, xác định được những gì có ích, cần phải ghi nhớ lại để sử dụng vào các hoạt động khác sau này (Dewey, J, 1938). Như vậy, học tập trải nghiệm là một phương thức học tập trong đó người dạy là người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm để người học bằng vốn tri thức, kinh nghiệm sẵn có của bản thân kết hợp tiếp xúc trực tiếp với môi trường học tập, sử dụng các giác quan, tự lực chiêm lĩnh kiến thức, hình thành kỹ năng, thái độ và hành vi để hoàn thành mục tiêu học tập đã đề ra.

Lý thuyết học tập trải nghiệm (Experiential learning theory) là một lý thuyết trong giáo dục được phát triển bởi David Kolb vào những năm 1980. Lý thuyết này cho rằng học tập là một quá trình liên tục, trong đó người học không chỉ tiếp thu kiến thức từ sách vở hay lý thuyết mà còn thông qua trải nghiệm thực tế. Theo Kolb, LHTTTN là một chu trình mà ở đó, học sinh sẽ kiến tạo tri thức mới thông qua việc chuyển hoá những trải nghiệm. Kết quả đầu ra của kiến thức bao hàm việc nắm bắt và chuyển hoá từ những trải nghiệm thực tế (Kolb, D.A, 1984). LHTTTN là một lý thuyết về mô hình học tập mà trong đó kiến thức, kinh nghiệm của người học được hình thành thông qua hoạt động trải nghiệm thực tiễn trên cơ sở huy động và liên kết tối đa các kinh nghiệm đã có của họ. LHTTTN là một lý thuyết dạy học hiện đại, nhấn mạnh đến vai trò chủ động của người học trong quá trình học tập và chu trình người học thu nhận kiến thức cho bản thân.

Cấu trúc của LHTTTN dựa trên mô hình chu trình học tập, được D.Kolb cụ thể hóa gồm bốn giai đoạn cơ bản: Kinh nghiệm cụ thể, quan sát phản ánh, trừu tượng hóa và thực nghiệm tích cực (Kolb, D.A, 1984).

Giai đoạn 1: Kinh nghiệm cụ thể (Trải nghiệm cụ thể): Đây là giai đoạn mà người học trực tiếp trải nghiệm một tình huống hay vấn đề thực tế. Kinh nghiệm này có thể đến từ các hoạt động, dự án hoặc thí nghiệm trong lớp học.

Giai đoạn 2: Quan sát phản ánh (Phản ánh qua quan sát). Sau khi trải qua kinh nghiệm, người học sẽ dừng lại và suy ngẫm về trải nghiệm đó. Họ sẽ tìm cách hiểu rõ hơn về những gì đã xảy ra, xác định các yếu tố ảnh hưởng và phản ánh sự khác biệt giữa các kết quả mong đợi và thực tế.

Giai đoạn 3: Trừu tượng hóa (Khái quát hóa trừu tượng). Trong giai đoạn này, người học sẽ phân tích thông tin và rút ra kết luận, lý thuyết, mô hình hoặc khái niệm từ những gì họ đã trải qua và suy ngẫm. Điều này giúp họ hình thành các quan điểm, lý thuyết và nhận thức về vấn đề.

Giai đoạn 4: Thực nghiệm tích cực (Thực hành chủ động). Người học áp dụng những gì đã học được vào thực tế, thử nghiệm các giải pháp mới và kiểm tra chúng trong các tình huống khác nhau. Qua đó, họ lại thu thập thêm kinh nghiệm và bắt đầu một chu trình học tập mới.

Quá trình học tập trải nghiệm của Kolb diễn ra dưới dạng một chu trình tuần hoàn, mang tính chất xoắn ốc và liên tục. Kinh nghiệm cụ thể đóng vai trò là cơ sở cho sự nhận thức, từ đó các quan sát phản hồi được tổng hợp và chuyển hóa thành các khái niệm trừu tượng. Những khái niệm này sẽ được ứng dụng vào thực tiễn thông qua hành động và từ đó, người học có thể thử nghiệm và tạo ra các trải nghiệm mới. Chính vì vậy, để việc học trở nên hiệu quả và kinh nghiệm trở nên bền vững, người học cần trải qua đầy đủ cả bốn giai đoạn này.

Chuyển đổi số là quá trình con người thay đổi cách sống, cách làm việc, và phương thức sản xuất với các công nghệ số (Bảo, H.T, 2020). Bản chất của CĐS là việc việc chuyển đổi từ cách sống, cách làm việc truyền thống sang cách sống và làm việc với cả các phiên bản số của các thực thể và sự kết nối của chúng trong không gian số (Nga, B.T., Toàn, L.V & Long, L.Đ, 2020). Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, CĐS không chỉ đơn giản là việc sử dụng công nghệ để hỗ trợ giảng dạy mà còn là quá trình chuyển từ phương pháp truyền thụ kiến thức chủ yếu qua thuyết trình, giảng giải sang việc phát triển năng lực người học, nâng cao khả năng tự học. Trước yêu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ, sĩ quan Quân đội có đầy đủ phẩm chất, năng lực thực hiện nhiệm vụ bảo

vệ Tổ quốc và khả năng thích ứng với sự phát triển của thực tiễn, đặc biệt là trong bối cảnh CĐS, việc trở thành “sĩ quan số” đã trở thành một yêu cầu thiết yếu trong tình hình mới (Châu, P.H., Định, N.V & Quý, N.N, 2023). Điều này đòi hỏi CĐS trong giáo dục và đào tạo là một yêu cầu khách quan và cấp thiết đối với các TSQQĐ. CĐS trong giáo dục và đào tạo ở các TSQQĐ sẽ có ảnh hưởng sâu rộng đến mục tiêu và yêu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ, sĩ quan nói chung, dạy học các môn KHXH&NV ở các TSQQĐ nói riêng.

Dạy học các môn KHXH&NV ở các TSQQĐ là quá trình có mục đích, có tổ chức, phối hợp thống nhất giữa giảng viên và học viên nhằm thực hiện được mục tiêu dạy học đã xác định. Dạy học các môn KHXH&NV có ý nghĩa quyết định đến xây dựng phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ năng lực, phương pháp, tác phong công tác của đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật, hạ sĩ quan chỉ huy; Hiệu quả, chất lượng giáo dục, đào tạo của các nhà trường (Bộ Quốc phòng, 2022). Dạy học các môn KHXH&NV ở các TSQQĐ góp phần trang bị cho học viên hệ thống kiến thức các chuyên ngành KHXH&NV, chính trị, xã hội hệ thống, toàn diện; Phương pháp nhận thức và hoạt động thực tiễn quân sự; Các kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp; Khả năng tư duy linh hoạt, sáng tạo; Khả năng thích ứng nhanh và năng lực vận dụng hiệu quả các tri thức vào thực tiễn lãnh đạo, quản lý, chỉ huy, giáo dục, cũng như trong huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu. Do đó, các TSQQĐ cần tăng cường cho học viên có điều kiện trải nghiệm trong các môi trường, điều kiện, tình huống sát hoặc gần với thực tiễn qua đó sẽ nâng cao hiệu quả lĩnh hội kiến thức, phát triển năng lực hành động cũng như sự thích ứng nhanh với nghề nghiệp quân sự qua đó giúp người học có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập tại trường, cũng như trên các cương vị công tác sau này. Như vậy, vận dụng LHTTTN được coi là một trong các giải pháp trọng tâm để đổi mới, nâng cao chất lượng dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CĐS trong giáo dục ở các TSQQĐ hiện nay.

Vận dụng LHTTTN trong dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CĐS trong giáo dục ở các TSQQĐ hiện nay là toàn bộ các hoạt động đem LHTTTN áp dụng vào thực tiễn dạy học một cách khoa học, sáng tạo nhằm tổ chức quá trình dạy học theo LHTTTN để hình thành phẩm chất, năng lực cho người học đặc biệt là khả năng thực hành, tư duy phản biện và giải quyết các vấn đề có liên quan đến thực tiễn nghề nghiệp trong môi trường số đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đào tạo và CĐS của các nhà trường

trong bối cảnh CDS. Vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CDS giúp học viên không chỉ phát triển năng lực tự học qua các nền tảng số mà còn tạo cơ hội học tập linh hoạt, tương tác và ứng dụng các công cụ công nghệ trong học tập, từ đó phát triển đầy đủ phẩm chất và năng lực cần thiết cho sĩ quan quân đội trong thời đại số.

2.2. Yêu cầu của chuyển đổi số trong giáo dục đối với quá trình dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay

Chuyển đổi số trong giáo dục ở các TSQQĐ hiện nay đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với quá trình dạy học các môn KHXH&NV, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực, kỹ năng và phẩm chất của sĩ quan trong bối cảnh kỷ nguyên số.

Thứ nhất, CDS trong giáo dục yêu cầu quá trình dạy học các môn KHXH&NV phải thực hiện thông qua các công nghệ số, từ việc sử dụng các nền tảng học trực tuyến, phần mềm hỗ trợ giảng dạy, đến các công cụ tương tác số giúp học viên tiếp cận kiến thức, tài liệu học tập một cách linh hoạt, hiệu quả. Việc áp dụng công nghệ số vào giảng dạy giúp tiết kiệm thời gian, mở rộng khả năng tiếp cận và tạo điều kiện học tập suốt đời cho học viên.

Thứ hai, CDS trong giáo dục giúp cá nhân hóa quá trình học, đáp ứng nhu cầu học tập khác nhau của từng học viên. Với sự hỗ trợ của các công cụ, hệ thống quản lý học tập trực tuyến, giảng viên có thể thiết kế các bài học và bài tập phù hợp với trình độ và mục tiêu học tập riêng của từng học viên, từ đó thúc đẩy khả năng tự học và cải thiện hiệu quả học tập.

Thứ ba, CDS trong giáo dục yêu cầu học viên không chỉ tiếp thu kiến thức lý thuyết mà còn phát triển các kỹ năng thực hành và kỹ năng số. Học viên phải được trang bị khả năng tìm kiếm, phân tích thông tin và sử dụng công nghệ để giải quyết vấn đề, nghiên cứu và ứng dụng các lý thuyết xã hội, nhân văn vào thực tế hoạt động quân sự. Điều này giúp họ có thể linh hoạt và sáng tạo trong công việc và trong môi trường số hóa.

Thứ tư, CDS trong giáo dục tạo ra cơ hội để học viên tham gia vào các hoạt động học tập và nghiên cứu các môn KHXH&NV thông qua các nền tảng trực tuyến, từ đó tăng cường khả năng tương tác và hợp tác trong môi trường học tập. Học viên có thể tham gia vào các hoạt động học tập và học hỏi từ những kinh nghiệm thực tế, đồng thời phát triển các kỹ năng giao tiếp và làm việc trong môi trường đa dạng.

Tóm lại, trước yêu cầu CDS đòi hỏi quá trình dạy học các môn KHXH&NV ở các TSQQĐ hiện nay, đội ngũ giảng viên cần sử

dụng các nền tảng học trực tuyến, phần mềm mô phỏng, công cụ học tập số để tạo ra những trải nghiệm học tập phong phú, giúp học viên tiếp cận kiến thức không chỉ qua lý thuyết mà còn thông qua các tình huống thực tế được mô phỏng hoặc thực hành trong môi trường số; tạo điều kiện để học viên trải nghiệm và tiếp thu kiến thức từ nhiều nguồn tài nguyên khác nhau. Bên cạnh đó, CDS trong giáo dục cũng đòi hỏi đội ngũ giảng viên phải thiết kế các chương trình học phù hợp với nhu cầu, sở thích và trình độ của từng học viên dựa trên các nền tảng học trực tuyến.

2.3. Sự cần thiết của việc vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm trong dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay

Việc vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CDS trong giáo dục ở các TSQQĐ hiện nay là rất cần thiết. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số đã làm thay đổi toàn diện cách thức dạy và học. Đặc biệt trong đào tạo đội ngũ sĩ quan quân đội - những người cần có khả năng thích ứng và vận dụng các công nghệ mới vào hoạt động nghề nghiệp quân sự và cuộc sống. LTHTTN với phương thức học qua hành động và phản ánh thực tiễn, đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển các kỹ năng cần thiết cho học viên trong môi trường giáo dục số hóa.

Việc vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CDS trong giáo dục giúp học viên có thể tham gia vào các hoạt động học tập ở bất kỳ đâu và bất kỳ lúc nào. Điều này phù hợp với phương châm “học mọi lúc, mọi nơi” trong môi trường học tập số, thúc đẩy tính chủ động, sáng tạo và khả năng tự học của học viên.

Trong dạy học các môn KHXH&NV, LTHTTN giúp học viên không chỉ nắm vững kiến thức mà còn biết cách áp dụng kiến thức vào thực tiễn. CDS giúp cung cấp các công cụ số để mô phỏng các tình huống thực tế, hỗ trợ học viên giải quyết các vấn đề phức tạp. Học viên có thể tương tác và trao đổi với giảng viên, bạn bè qua các nền tảng học trực tuyến, qua đó rèn luyện những kỹ năng cơ bản, quan trọng đối với sĩ quan quân đội tương lai.

Trong CDS, với sự hỗ trợ của các công cụ học tập trực tuyến, học viên có thể học theo tiến trình và tốc độ riêng, điều này rất phù hợp với LTHTTN, khi mỗi học viên có thể rút ra kinh nghiệm riêng từ quá trình học. Việc cá nhân hóa giúp học viên tiếp cận kiến thức theo nhu cầu và sở thích của bản thân, đồng thời tạo ra cơ hội để

họ trải nghiệm các tình huống học tập một cách sâu sắc hơn, điều này rất cần thiết trong quá trình đào tạo ở các TSQQĐ.

CĐS trong giáo dục hỗ trợ giảng viên trong việc theo dõi và đánh giá tiến độ học tập của học viên trong học tập trải nghiệm. Các công cụ trực tuyến giúp học viên nhận được phản hồi nhanh chóng về quá trình học tập của mình, từ đó điều chỉnh phương pháp, kỹ năng học tập phù hợp.

Như vậy, việc vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV kết hợp với CĐS là rất cần thiết trong đào tạo đội ngũ sĩ quan quân đội hiện nay góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu: Đào tạo cán bộ cấp phân đội trình độ đại học có kiến thức cơ bản về chính trị, quân sự, chuyên môn, chuyên ngành, quản lý nhà nước, kinh tế, xã hội, pháp luật, ngoại ngữ và tin học; có năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn, chuyên ngành trong lãnh đạo, tổ chức quản lý, chỉ huy, huấn luyện chiến đấu, xây dựng đơn vị và thực hiện chức trách, nhiệm vụ; có khả năng sáng tạo, thích ứng nhanh và phát triển (Quân ủy Trung ương, 2022)

2.4. Vai trò của việc vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm trong dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay

Để đánh giá vai trò của việc vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CĐS trong giáo dục ở các TSQQĐ, nghiên cứu này sử dụng phương pháp tọa đàm, phỏng vấn sâu 10 cán bộ quản lý giáo dục là lãnh đạo, chỉ huy các Phòng, Ban được mã hóa từ CB1 - CB10; 15 giảng viên các khoa KHXH&NV được mã hóa từ GV1 đến GV15 ở trường Sĩ quan Chính trị (04CB, 05GV), trường Sĩ quan Lục quân 1 (03CB, 05GV) và trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp (03CB, 05GV). Kết quả cụ thể như sau:

Đối với nhà trường: Tập trung đánh giá vai trò của việc vận dụng LTHTTN đến chất lượng giảng dạy các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CĐS của các nhà trường, đến hình thành phẩm chất và năng lực cho người học theo mục tiêu, yêu cầu đào tạo, CDR của các nhà trường. Theo CB1: “Việc vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV sẽ giúp tạo ra một môi trường học tập năng động và tương tác hơn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu CĐS trong giáo dục. Học viên có thể tham gia vào các buổi học trực tuyến, nghiên cứu tình huống thực tiễn, qua đó giúp hình thành phẩm chất, năng lực và tư duy phản xạ linh hoạt - những yếu tố quan trọng đối với sĩ quan quân đội”. Theo GV1: “LTHTTN là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy các môn KHXH&NV. Khi kết hợp với

CĐS, việc áp dụng các công cụ học tập số như các nền tảng học trực tuyến, bài tập nhóm qua mạng, các mô phỏng tình huống sẽ tạo ra những cơ hội học tập đa dạng và phù hợp với nhu cầu phát triển của học viên”. Theo GV12: “Việc kết hợp LTHTTN với công nghệ số không chỉ giúp học viên tiếp cận các tài nguyên học tập phong phú mà còn giúp họ trở nên chủ động trong việc học, từ đó nâng cao năng lực tự học và thích ứng nhanh với các tình huống trong môi trường quân đội”. Nói cách khác, việc vận dụng LTHTTN giúp hình thành một môi trường giáo dục hiện đại, phù hợp với yêu cầu CĐS. Nhà trường có thể tạo ra các chương trình đào tạo đa dạng, đồng thời ứng dụng công nghệ để làm phong phú quá trình học tập. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn giúp nhà trường thích ứng với xu thế phát triển của giáo dục hiện đại, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo trong các TSQQĐ.

Đối với giảng viên: Tập trung đánh giá những lợi ích của việc vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV trong bối cảnh CĐS đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Theo CB6: “Việc vận dụng LTHTTN trong giảng dạy các môn KHXH&NV sẽ giúp đội ngũ giảng viên nâng cao chất lượng bài giảng và làm cho các tiết học trở nên sinh động, hấp dẫn hơn. Việc kết hợp các công cụ công nghệ số như phần mềm mô phỏng, các nền tảng học trực tuyến và các tài nguyên điện tử sẽ giúp giảng viên dễ dàng tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm”. Theo GV7: “LTHTTN sẽ giúp giảng viên nâng cao hiệu quả giảng dạy. Vận dụng LTHTTN sẽ giúp giảng viên phát triển được những kỹ năng cần thiết trong công việc, từ việc sử dụng công nghệ số trong giảng dạy đến việc cải thiện phương pháp đánh giá và phản hồi đối với học viên”. Các ý kiến trên đều thống nhất cho rằng vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy của giảng viên. LTHTTN khuyến khích giảng viên áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, tương tác và chủ động giúp học viên hiểu sâu và áp dụng kiến thức vào thực tế.

Đối với học viên: Việc vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm trong dạy học KHXH&NV trong môi trường CĐS có vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực, kỹ năng và phẩm chất của học viên. Theo GV3: “Việc học qua trải nghiệm giúp học viên chủ động tiếp thu kiến thức, rèn luyện khả năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, đồng thời phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả”. GV6 cho rằng: “LTHTTN sẽ giúp học viên phát triển toàn diện cả về kiến thức và kỹ năng trong các môn KHXH&NV. Kết hợp LTHTTN với các công cụ học tập số giúp tạo ra những trải nghiệm học tập

thực tế, làm tăng sự hứng thú và động lực học tập của học viên”.

Vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV nhằm đáp ứng yêu cầu CDS trong giáo dục ở các TSQQĐ có vai trò đặc biệt quan trọng đối với nhà trường, giảng viên và học viên. Sự kết hợp này không chỉ đáp ứng yêu cầu CDS trong giáo dục mà còn tạo nên tầng vững chắc để đào tạo những sĩ quan quân đội có năng lực và phẩm chất tốt trong kỷ nguyên công nghệ số.

2.5. Thực trạng vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm trong dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay

Để đánh giá thực trạng vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu

cầu CDS trong giáo dục ở các TSQQĐ hiện nay, tác giả đã điều tra, khảo sát 226 giảng viên KHXH&NV và 523 học viên (năm thứ 3, 4) ở 5 trường sĩ quan gồm: Trường Sĩ quan Chính trị, Trường Sĩ quan Lục quân 1, Trường Sĩ quan Pháo binh, Trường Sĩ quan Thông tin, Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp. Tác giả đã sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý số liệu. Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0, sau đó tính số liệu ra %, điểm trung bình cộng, phương sai, độ lệch chuẩn, đại lượng kiểm định (t) và sử dụng thuật toán Cronbach'S Alpha để đo hệ số tin cậy của các bảng hỏi. Các thang đo được thiết kế dưới dạng Likert với 5 mức độ (cách tính điểm từ 1-5). Đối với thang đo 5 mức độ thì khoảng cách giữa các mức là: $(5 - 1)/5 = 0.8$. Bảng thang đo các mức độ đánh giá được thể hiện như sau:

Bảng 2.5.1. Bảng thang đo các mức độ khảo sát, đánh giá thực trạng

Giá trị	Mức độ đánh giá			
1,0 < ĐTB ≤ 1,8	Kém	Hoàn toàn sai	Không bao giờ	Không ảnh hưởng
1,8 < ĐTB ≤ 2,6	Yếu	Cơ bản sai	Hiếm khi	Ít ảnh hưởng
2,6 < ĐTB ≤ 3,4	TB	Đúng một phần	Thỉnh thoảng	Bình thường
3,4 < ĐTB ≤ 4,2	Khá	Cơ bản đúng	Thường xuyên	Ảnh hưởng
4,2 < ĐTB ≤ 5,0	Tốt	Hoàn toàn đúng	Rất thường xuyên	Rất ảnh hưởng

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Thứ nhất, về nhận thức của giảng viên và học viên

Kết quả điều tra khảo sát ở bảng 2.5.2. cho thấy nhận thức của giảng viên về các dấu hiệu thuộc bản chất dạy học theo LTHTTN tương đối tốt. Đối với giảng viên những chỉ báo thuộc về bản chất vận dụng LTHTTN trong dạy học có ĐTB cao hơn: “*Học viên là trung tâm, chủ động kết nối trải nghiệm thực tế với các lý thuyết và khái niệm*

trừu tượng, hình thành hiểu biết sâu sắc dưới sự tổ chức, điều khiển của giảng viên” có ĐTB là 3,59; “*Giảng viên hỗ trợ học viên thử nghiệm các khái niệm, lý thuyết đã học vào các tình huống thực tế, kiểm tra và đánh giá hiệu quả*” có ĐTB là 3,13; “*Giảng viên chỉ đạo, hướng dẫn học viên lập lại các giai đoạn từ trải nghiệm, phản ánh, trừu tượng hóa, đến thử nghiệm, tạo thành một chu trình khép kín*” có ĐTB là 3,27.

Bảng 2.5.2. Đánh giá của giảng viên và học viên về bản chất của vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm trong dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn

Nội dung	Giảng viên			Học viên			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Giảng viên tổ chức cho học viên tham gia vào các tình huống thực tế, trải nghiệm môi trường học tập trực tiếp	3,05	0,55	4	2,86	0,47	6	2,95	0,51	5
Giảng viên tổ chức cho học viên quan sát, suy ngẫm và phản ánh về những gì đã trải qua trong quá trình học tập	2,98	0,61	5	3,18	0,50	2	3,08	0,55	3
Học viên là trung tâm, chủ động kết nối trải nghiệm thực tế với các lý thuyết và khái niệm trừu tượng, hình thành hiểu biết sâu sắc dưới sự tổ chức, điều khiển của giảng viên	3,59	0,59	1	3,26	0,55	1	3,42	0,57	1
Giảng viên hỗ trợ học viên thử nghiệm các khái niệm, lý thuyết đã học vào các tình huống thực tế, kiểm tra và đánh giá hiệu quả	3,13	0,56	3	2,96	0,56	5	3,04	0,56	4

Nội dung	Giảng viên			Học viên			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Giảng viên chỉ đạo, hướng dẫn học viên lặp lại các giai đoạn từ trải nghiệm, phản ánh, trừu tượng hóa, đến thử nghiệm, tạo thành một chu trình khép kín	3,27	0,53	2	3,12	0,52	3	3,19	0,52	2
Giảng viên hướng dẫn học viên phát triển khả năng tự học, tự đánh giá và điều chỉnh hành động học tập để đạt được hiệu quả cao hơn trong tương lai.	2,57	0,54	6	3,02	0,53	4	2,79	0,53	6
Tổng	3,10	0,47		3,07	0,25		3,08	0,36	

(Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát)

Cả bốn mức điểm này đều thuộc mức cơ bản đúng, đúng một phần; còn hai chỉ báo không thuộc bản chất vận dụng LHTTTN trong dạy học có ĐTB thấp hơn: “*Giảng viên tổ chức cho học viên quan sát, suy ngẫm và phản ánh về những gì đã trải qua trong quá trình học tập*” có ĐTB là 2,98; “*Giảng viên hướng dẫn học viên phát triển khả năng tự học, tự đánh giá và điều chỉnh hành động học tập để đạt được hiệu quả cao hơn trong tương lai*” có ĐTB là 2,57. Tuy nhiên, xét mức ĐTB cho thấy, nhận thức của giảng viên về bản chất vận dụng LHTTTN trong dạy học còn chưa cao; điều này cho thấy giảng viên vẫn chưa nắm chắc và hiểu sâu sắc về bản chất vận dụng LHTTTN trong dạy học. Điều này có thể do đây là một lý thuyết dạy học tương đối mới nên các

giảng viên chưa tiếp cận một cách toàn diện. Đối với học viên, kết quả khảo sát cho thấy bước đầu đã có được những nhận thức cơ bản về bản chất của dạy học theo LHTTTN tuy nhiên còn mơ hồ, nhầm lẫn giữa các chỉ báo. Những chỉ báo thuộc về bản chất của dạy học theo LHTTTN có ĐTB không đồng đều nhau “*Giảng viên tổ chức cho học viên tham gia vào các tình huống thực tế, trải nghiệm môi trường học tập trực tiếp*” có ĐTB là 2,86; “*Giảng viên hỗ trợ học viên thử nghiệm các khái niệm, lý thuyết đã học vào các tình huống thực tế, kiểm tra và đánh giá hiệu quả*” có ĐTB là 2,96. Qua phân tích nhận thức của giảng viên và học viên về bản chất của vận dụng LHTTTN trong dạy học cho thấy nhận thức của đối tượng điều tra chưa cao, còn có sự nhầm lẫn.

Bảng 2.5.3. Đánh giá của giảng viên và học viên về các dấu hiệu đặc trưng của vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm trong dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục ở các trường sư phạm quân đội

Nội dung	Giảng viên			Học viên			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Giảng viên tổ chức cho học viên tham gia vào các tình huống mô phỏng qua công nghệ số, giúp ứng dụng kiến thức vào thực tiễn.	3,89	0,59	2	3,63	0,49	1	3,76	0,54	1
Học viên sử dụng công nghệ để ghi chép, phân tích và phản ánh kết quả học tập trong môi trường số	2,40	0,68	7	2,58	0,50	6	2,49	0,59	5
Học viên chủ động tìm kiếm tài liệu, nghiên cứu và thảo luận qua các nền tảng học tập số.	3,53	0,66	3	3,55	0,63	3	3,54	0,64	2
Giảng viên tổ chức cho học viên học lý thuyết được kết hợp với các hoạt động thực hành trên các hệ thống học tập số, giúp học viên nâng cao khả năng áp dụng kiến thức.	2,41	0,61	6	2,45	0,50	7	2,43	0,55	6
Học viên nhận được phản hồi trực tuyến về kết quả học tập và điều chỉnh chiến lược học tập để tối ưu hóa hiệu quả học tập	3,28	0,65	5	3,20	0,60	4	3,24	0,62	3
Học viên được đánh giá qua các bài kiểm tra, thảo luận và dự án trực tuyến, giúp cải thiện năng lực giải quyết vấn đề trong môi trường số.	3,32	0,69	4	2,69	0,56	5	3,00	0,62	4
Giảng viên tổ chức cho học viên tham gia thảo luận nhóm, chia sẻ ý tưởng và phản hồi qua các công cụ giao tiếp trực tuyến.	3,95	0,63	1	3,57	0,53	2	3,76	0,58	1
Tổng	3,66	0,62		3,10	0,29			0,45	

(Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát)

Kết quả khảo sát thực trạng ở bảng 2.5.3 cho thấy bảy dấu hiệu đặc trưng của vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CDS trong giáo dục ở các TSQQĐ có ĐTB tương đối cao từ 3,33 đến 3,76; các dấu hiệu không thuộc đặc trưng của vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CDS đạt ĐTB tương đối thấp chỉ từ 2,43 đến 3,24. Điều

này cho thấy các đối tượng điều tra đã có sự nhận thức tương đối tốt và phân biệt được giữa các dấu hiệu đặc trưng và các dấu hiệu không đặc trưng về đặc trưng của vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CDS.

Thứ hai, về thực trạng vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CDS ở các TSQQĐ

Bảng 2.5.4. Đánh giá của giảng viên và học viên về vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm trong xác định mục tiêu dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng yêu cầu chuyên đôi số trong giáo dục ở các trường sĩ quan quân đội

Nội dung	Giảng viên			Học viên			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Hình thành cho học viên khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề một cách độc lập, sáng tạo trong môi trường số	2,65	0,47	3	2,48	0,50	4	2,56	0,48	3
Hình thành cho học viên tính chủ động sử dụng công nghệ và các nền tảng số để tìm kiếm tài liệu, học tập và cập nhật kiến thức	2,15	0,62	5	2,09	0,59	5	2,12	0,60	5
Phát triển khả năng làm việc nhóm, thảo luận và chia sẻ ý tưởng qua các công cụ trực tuyến cho học viên	3,73	0,67	2	3,60	0,52	2	3,66	0,59	2
Phát triển phẩm chất đạo đức, tinh thần tự giác và trách nhiệm trong việc học tập và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn cho học viên	2,38	0,48	4	2,50	0,50	3	2,44	0,49	4
Hình thành cho học viên năng lực vận dụng kiến thức vào các tình huống thực tế, mô phỏng thông qua công nghệ số	3,97	0,65	1	3,70	0,50	1	3,83	0,57	1
Tổng	3,84	0,56		2,87	0,25		3,35	0,40	

(Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát)

Kết quả điều tra bảng 2.5.4 cho thấy những mục tiêu thường xuyên được giảng viên đặt ra như: “Hình thành cho học viên năng lực vận dụng kiến thức vào các tình huống thực tế, mô phỏng thông qua công nghệ số.” hay “Phát triển khả năng làm việc nhóm, thảo luận và chia sẻ ý tưởng qua các công cụ trực tuyến cho học viên” có ĐTB chung tương đối cao 3,83 và 3,66. Những mục tiêu đặc thù của vận dụng LTHTTN đáp ứng yêu cầu CDS tuy vẫn được các giảng viên đề cập đến nhưng

không thường xuyên, cụ thể: “Hình thành cho học viên khả năng phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề một cách độc lập, sáng tạo trong môi trường số” có ĐTB chung là 2,56; “Phát triển phẩm chất đạo đức, tinh thần tự giác và trách nhiệm trong việc học tập và ứng dụng kiến thức vào thực tiễn cho học viên” có ĐTB chung là 2,44; “Hình thành cho học viên tính chủ động sử dụng công nghệ và các nền tảng số để tìm kiếm tài liệu, học tập và cập nhật kiến thức” có ĐTB chung là 2,12.

Bảng 2.5.5. Đánh giá của giảng viên và học viên về vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm trong thiết kế nội dung dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng yêu cầu chuyên đôi số trong giáo dục ở các trường sĩ quan quân đội

Nội dung	Giảng viên			Học viên			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Thiết kế nội dung dạy học có sử dụng các công cụ và nền tảng số (hệ thống học trực tuyến, mô phỏng, thảo luận nhóm trực tuyến) để học viên trải nghiệm và nghiên cứu	3,83	0,61	1	3,91	0,59	1	3,87	0,60	1

Nội dung	Giảng viên			Học viên			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Nội dung dạy học có các tình huống mô phỏng giúp học viên thực hành và áp dụng kiến thức vào thực tế trong môi trường số	3,39	0,52	3	3,00	0,52	3	3,19	0,52	3
Thiết kế nội dung dạy học tạo điều kiện cho học viên phản ánh, quan sát và đánh giá quá trình học qua các nền tảng trực tuyến, kết nối lý thuyết với thực hành	3,80	0,58	2	3,47	0,51	2	3,63	0,57	2
Thiết kế nội dung dạy học để học viên tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu và sử dụng công nghệ để phát triển kiến thức độc lập	2,47	0,64	5	2,34	0,64	5	2,40	0,64	5
Thiết kế nội dung dạy học khuyến khích học viên hợp tác, chia sẻ ý tưởng và thảo luận nhóm qua các công cụ giao tiếp trực tuyến, phát triển kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường số	3,02	0,61	4	2,85	0,59	4	2,92	0,60	4
Tổng	3,17	0,43		3,11	0,25		3,14	0,34	

(Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát)

Kết quả khảo sát thực trạng ở bảng 2.5.5 cho thấy trong thiết kế nội dung dạy học, các giảng viên luôn có sự gia công sư phạm một cách cụ thể, những nội dung dạy học và tích hợp với công nghệ số theo định hướng trải nghiệm. Các giảng viên đều cho rằng, trong dạy học KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CDS thì điều đầu tiên cần phải làm là “*Thiết kế nội dung dạy học có sử dụng các công cụ và nền tảng số (hệ thống học trực tuyến, mô phỏng, thảo luận nhóm trực tuyến) để học viên trải nghiệm và nghiên cứu*” (ĐTB: 3,87) hoặc “*Thiết kế nội dung dạy học tạo điều kiện cho học viên phản ánh, quan sát và đánh giá quá trình học qua các nền tảng trực tuyến, kết nối lý thuyết với thực hành*” (ĐTB: 3,63) mà hầu như không chú trọng đến việc “*Thiết kế nội dung dạy học để học viên tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu và sử dụng công nghệ để phát triển kiến thức độc lập*” (ĐTB: 2,40); “*Thiết kế nội dung dạy học khuyến khích học viên hợp tác, chia sẻ ý*

tưởng và thảo luận nhóm qua các công cụ giao tiếp trực tuyến, phát triển kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường số” (ĐTB: 2,92). Điều này có nghĩa là các nội dung dạy học bao giờ cũng được lựa chọn, thiết kế và gia công sư phạm. Nhưng để vận dụng LHTTTN vào dạy học để tích cực hóa hoạt động nhận thức của học viên đáp ứng yêu cầu CDS thì đòi hỏi người giảng viên phải căn cứ vào mục tiêu bài học kết hợp với vốn kinh nghiệm, hiểu biết của học viên, điều kiện của các nhà trường để điều chỉnh nội dung bài giảng sao phù hợp với đối tượng. Việc thiết kế nội dung dạy học các môn KHXH&NV theo LHTTTN đáp ứng yêu cầu CDS là phải tập trung vào hình thành kiến thức, kinh nghiệm mới và năng lực số cho học viên; đồng thời phải dự kiến trước những khó khăn học viên gặp phải, những tình huống có thể nảy sinh và phương án giải quyết. ĐTB giữa giảng viên và học viên tuy có sự chênh lệch nhưng ở mức độ không cao.

Bảng 2.5.6. Đánh giá của giảng viên và học viên về vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm trong lựa chọn, sử dụng phương pháp dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục ở các trường sĩ quan quân đội

Nội dung	Giảng viên			Học viên			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Phương pháp mô phỏng	3,93	0,65	1	4,20	0,64	1	4,06	0,64	1
Phương pháp dạy học tình huống	3,68	0,63	2	3,47	0,56	3	3,57	0,59	3
Phương pháp dạy học dự án	2,70	0,72	6	2,72	0,68	6	2,71	0,70	6
Phương pháp dạy học dùng ngôn ngữ	3,67	0,71	3	3,56	0,75	2	3,61	0,73	2
Phương pháp dạy học kết hợp	2,51	0,55	7	2,33	0,59	7	2,42	0,57	7
Phương pháp dạy học hợp tác	3,29	0,72	4	3,00	0,65	4	3,14	0,68	4
Phương pháp học chủ động	3,02	0,78	5	2,84	0,70	5	2,93	0,74	5
Tổng	3,84	0,56		3,16	0,32		3,50	0,44	

(Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát)

Đổi mới phương pháp dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CDS ở các TSQQĐ đang được thực hiện thường xuyên. Tăng cường các hoạt động dạy học mô phỏng, tình huống, dạy học hợp tác nhóm. Nhìn vào kết quả khảo sát thực trạng ở bảng 2.5.6, thấy rằng đánh giá của giảng viên và học viên, việc vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại, tích cực, phù hợp với công nghệ số trong dạy học các môn KHXH&NV có vận dụng LHTTTN đã có sự chuyển biến rõ rệt dù chỉ ở mức độ thường xuyên, cụ thể: “*Phương pháp dạy học tình huống*” có ĐTB chung là 3,57 (giảng viên: 3,68; học viên: 3,47); “*Phương pháp dạy học hợp tác*” có ĐTB chung là 3,14 (giảng viên: 3,29; học viên: 3,00). Điều này cho thấy các giảng viên đã vận dụng các phương pháp dạy học tích cực vào trong quá trình dạy học. Đối với “*Phương pháp dạy học kết hợp*”

có ĐTB tương đối thấp là 2,42 (giảng viên: 2,51; học viên: 2,33). Qua trao đổi với giảng viên thì thấy rằng phương pháp này ít được sử dụng do các nhà trường hiện nay hạn chế về phương tiện, điều kiện hỗ trợ cho hoạt động dạy học, năng lực số của một số giảng viên còn hạn chế và tính đặc thù, bí mật của hoạt động quân sự nên các giảng viên ngại tổ chức cho học viên kết hợp giữa học trực tuyến và học trực tiếp trong các giờ học. Thông qua quan sát một số giờ học có vận dụng LHTTTN và ứng dụng công nghệ số thì thấy việc vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy đã giúp cho học viên học có chất lượng hơn, bài giảng trở nên sinh động hơn; quan hệ giữa giảng viên và học viên thân thiện hơn; học viên được trải nghiệm thực tiễn nhiều hơn do đó kiến thức, kinh nghiệm và năng lực số của học viên cũng được hình thành hiệu quả hơn.

Bảng 2.5.7. Đánh giá của giảng viên và học viên về vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm trong các hình thức tổ chức dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục ở các trường sĩ quan quân đội

Nội dung	Giảng viên			Học viên			Tổng hợp		
	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Hình thức bài giảng	3,26	0,49	1	3,08	0,50	1	3,17	0,49	1
Hình thức xêmina, thảo luận	3,02	0,78	2	2,84	0,70	2	2,93	0,74	2
Hình thức tự học	2,45	0,59	4	2,32	0,59	5	2,38	0,59	5
Hình thức thực hành	2,41	0,61	5	2,45	0,50	3	2,43	0,55	3
Hình thức nghiên cứu khoa học	2,47	0,64	3	2,34	0,64	4	2,40	0,64	4
Tổng	2,72	0,62		2,61	0,58		2,66	0,60	

(Nguồn: Tác giả điều tra, khảo sát)

Kết quả khảo sát ở bảng 2.5.7 cho thấy tổng mức đánh giá chung của giảng viên và học viên về mức độ vận dụng LHTTTN trong các hình thức tổ chức dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CDS có ĐTB chung là 2,66 (giảng viên: 2,72; học viên: 2,61) nằm trong khoảng $2,6 \leq \text{ĐTB} \leq 3,4$ (tương đương mức thành thạo). Trong đó các nội dung được đánh giá cụ thể: Đối với “*Hình thức bài giảng*” có ĐTB chung là 3,17 (giảng viên: 3,26; học viên: 3,08) xếp thứ bậc 1; “*Hình thức xêmina, thảo luận*” có ĐTB chung là 2,93 (giảng viên: 3,02; học viên: 2,84) xếp thứ bậc 2; “*Hình thức tự học*” có ĐTB chung là 2,38 (giảng viên: 2,45; học viên: 2,31) xếp thứ bậc 5; “*Hình thức nghiên cứu khoa học*” có ĐTB chung là 2,40 (giảng viên: 2,47; học viên: 2,34) xếp thứ bậc 4. Như vậy, nhìn chung chỉ có ở hình thức bài giảng và xêmina, thảo luận thì việc vận dụng LHTTTN trong dạy học các môn KHXH&NV thành thạo được sử dụng, còn ở hình thức nghiên cứu khoa học; tự học và thực hành thì ít khi sử dụng. Điều này một phần do yêu cầu, đặc thù dạy học các môn KHXH&NV ở TSQQĐ và thói quen đã ăn sâu vào tiềm thức của đội ngũ giảng viên.

Như vậy, vận dụng LHTTTN trong dạy học các môn KHXH&NV là tất yếu khách quan, không chỉ giúp tạo ra môi trường học tập linh hoạt, sinh động mà còn đáp ứng yêu cầu CDS trong giáo dục tại các TSQQĐ. Các hình thức dạy học như học trực tuyến, học kết hợp, học qua dự án hay mô phỏng tình huống thực tế cho phép học viên trải nghiệm và ứng dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế, từ đó nâng cao hiệu quả giảng dạy và chất lượng đào tạo. Điều này không chỉ giúp học viên làm chủ kiến thức mà còn góp phần hình thành phẩm chất, năng lực cần thiết cho họ trong môi trường hoạt động quân sự hiện đại, đồng thời thúc đẩy quá trình CDS, tạo điều kiện, nền tảng để người sĩ quan tương lai học tập suốt đời và phát triển toàn diện trong bối cảnh công nghệ thông tin ngày càng phát triển.

2.6. Một số giải pháp vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm trong dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục ở các trường sĩ quan quân đội hiện nay

Trong bối cảnh CDS ở các TSQQĐ hiện nay, yếu tố cốt lõi của việc vận dụng LHTTTN

trong dạy học các môn KHXH&NV là tạo ra môi trường học tập tương tác, chủ động và ứng dụng công nghệ số, giúp học viên phát triển kỹ năng thực hành, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực quân sự có khả năng thích ứng với sự phát triển của khoa học và công nghệ trong môi trường quân đội. Căn cứ vào những yêu cầu và đánh giá thực trạng nêu trên, tác giả đề xuất một số giải pháp vận dụng LHTTTN trong dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CDS trong giáo dục tại các TSQQĐ hiện nay:

Một là, nâng cao nhận thức cho giảng viên và học viên về LHTTTN và sự cần thiết vận dụng lý thuyết này vào dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CDS trong giáo dục ở các TSQQĐ

Để vận dụng LHTTTN trong dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CDS trong giáo dục ở các TSQQĐ, việc nâng cao nhận thức cho giảng viên là một giải pháp cốt lõi. Trước hết, giảng viên cần hiểu rõ về bản chất và các nguyên lý cơ bản của LHTTTN, nhằm ứng dụng phương pháp này vào giảng dạy hiệu quả. LHTTTN không chỉ là một phương pháp dạy học đơn thuần mà là một cách tiếp cận học tập giúp học viên phát triển kỹ năng tư duy phản biện, khả năng tự học và sự sáng tạo. Để làm được điều này, các giảng viên cần được bồi dưỡng chuyên môn qua các khóa đào tạo, hội thảo và các chương trình bồi dưỡng về vận dụng LHTTTN trong giảng dạy. Giảng viên phải nhận thức được sự thay đổi trong phương pháp dạy học truyền thống, chuyển từ việc giảng dạy một chiều sang việc tạo ra môi trường học tập năng động, tích cực, nơi học viên chủ động tham gia và trải nghiệm.

Song song với việc nâng cao nhận thức cho giảng viên, việc nâng cao nhận thức cho học viên về LHTTTN cũng là yếu tố then chốt trong việc ứng dụng lý thuyết này vào giảng dạy. Học viên trong các TSQQĐ cần hiểu rõ rằng LHTTTN không chỉ là phương pháp học đơn giản mà là một quá trình học tập chủ động, dựa trên trải nghiệm thực tế và sự tương tác với các tình huống học tập. Khi được hướng dẫn và khuyến khích tham gia vào các hoạt động học tập trải nghiệm, học viên sẽ chủ động hơn trong việc tìm kiếm và xử lý thông tin, đồng thời phát triển các kỹ năng mềm như khả năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và tư duy phản biện. Để làm được điều này, nhà trường có thể tổ chức các buổi tọa đàm, lớp học trực tuyến hoặc các mô hình học tập kết hợp, trong đó học viên được tham gia vào các tình huống thực tế, từ đó nhận thức được lợi ích của phương pháp học tập trải nghiệm trong việc phát triển bản thân đáp ứng yêu cầu của

nghề nghiệp quân sự. Ngoài ra, cần giúp cho giảng viên, học viên nhận thức rõ việc vận dụng LHTTTN trong dạy học các môn KHXH&NV tại các TSQQĐ không chỉ là một xu hướng giáo dục mà còn là yêu cầu cần thiết để đáp ứng với xu thế CDS trong giáo dục. Trong bối cảnh CDS, phương pháp học tập trải nghiệm giúp học viên phát triển khả năng tự học, tìm kiếm và sử dụng tài nguyên học tập trên các nền tảng số. Điều này cũng giúp học viên có thể học mọi lúc, mọi nơi thông qua các nền tảng trực tuyến, kết hợp với việc áp dụng công nghệ trong việc xây dựng các mô hình học tập trực tuyến và mô phỏng thực tế. Đồng thời, việc vận dụng LHTTTN còn giúp học viên phát triển các kỹ năng quan trọng như kỹ năng giải quyết vấn đề trong môi trường số, khả năng làm việc nhóm qua các công cụ trực tuyến và khả năng ứng dụng công nghệ vào công tác quân sự.

Hai là, thiết kế và hoàn thiện mục tiêu dạy học các môn KHXH&NV tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận dụng LHTTTN đáp ứng yêu cầu CDS

Để vận dụng hiệu quả LHTTTN trong dạy học các môn KHXH&NV, việc thiết kế và hoàn thiện mục tiêu dạy học là một yếu tố cốt lõi. Trước hết cần xác định rõ mục tiêu dạy học để phù hợp với LHTTTN. Để vận dụng LHTTTN trong dạy học các môn KHXH&NV ở các TSQQĐ là thiết kế và hoàn thiện mục tiêu dạy học sao cho phù hợp với yêu cầu CDS. Mục tiêu dạy học cần được xây dựng theo hướng phát triển năng lực tự học, tư duy phản biện và khả năng giải quyết vấn đề của học viên. Việc xác định mục tiêu cụ thể, rõ ràng và thực tế sẽ tạo ra nền tảng vững chắc cho việc vận dụng LHTTTN, giúp học viên không chỉ học theo phương pháp truyền thống mà còn phát triển các kỹ năng cần thiết cho môi trường học tập số. Bên cạnh đó, cần chú trọng tích hợp kỹ năng số và trải nghiệm thực tế vào mục tiêu dạy học. Để đáp ứng yêu cầu CDS, mục tiêu dạy học các môn KHXH&NV cần tích hợp các kỹ năng số và các hoạt động trải nghiệm thực tế. Việc thiết kế mục tiêu dạy học không chỉ đơn thuần dạy về kiến thức mà còn phải chú trọng đến việc hình thành và phát triển các kỹ năng cần thiết trong thế giới số, như: kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin từ các nguồn số, kỹ năng làm việc trong môi trường số và kỹ năng giao tiếp qua các nền tảng trực tuyến. Đồng thời, học viên cũng cần được trang bị khả năng sử dụng công nghệ để giải quyết các tình huống thực tế trong lĩnh vực hoạt động quân sự và xã hội.

Các nhà trường cần đảm bảo tính linh hoạt và phản hồi trong quá trình thiết kế mục tiêu dạy học. Các mục tiêu dạy học phải được xây dựng sao cho có thể dễ dàng điều chỉnh và phát triển theo yêu cầu và xu hướng thay đổi của xã hội và công nghệ. Trong quá trình CDS, dạy học các

môn KHXH&NV ở các TSQQĐ cần tích hợp các hoạt động học tập trải nghiệm linh hoạt, trong đó học viên có thể tự do điều chỉnh kế hoạch học tập của mình dựa trên những phản hồi và kết quả học tập mà họ thu được từ các trải nghiệm thực tế. Mục tiêu dạy học cũng cần phải hướng tới việc giúp học viên phát triển khả năng tự học và làm việc trong môi trường học tập số; sự sáng tạo, giao tiếp và hợp tác trong các môi trường dạy học trực tuyến. Điều này không chỉ hỗ trợ giảng viên và học viên mà còn tạo ra không gian học tập phù hợp với yêu cầu của CDS trong giáo dục hiện nay.

Ba là, thiết kế và tích hợp các nội dung học tập trải nghiệm được số hóa trong dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn

Để đáp ứng yêu cầu CDS trong giáo dục ở các TSQQĐ, việc thiết kế và đổi mới nội dung dạy học là điều kiện tiên quyết. Các nhà trường cần chỉ đạo các khoa xây dựng nội dung học tập trải nghiệm gắn với công nghệ số vào chương trình giảng dạy. Các hoạt động học tập trải nghiệm cần phải sử dụng công nghệ số để giúp học viên tiếp cận kiến thức một cách linh hoạt và chủ động hơn. Ví dụ: Giảng viên có thể tạo ra các bài tập thực hành trên nền tảng học trực tuyến, nơi học viên sẽ tương tác với các tình huống mô phỏng hoặc sử dụng các công cụ số để nghiên cứu, phân tích và giải quyết vấn đề giúp học viên thu nhận kiến thức mà còn hình thành kỹ năng tư duy phản biện, khả năng phân tích và giải quyết các tình huống trong môi trường số từ đó đáp ứng yêu cầu CDS trong giáo dục. Nội dung giảng dạy cần được cập nhật và làm mới, bảo đảm tính ứng dụng cao trong thực tiễn và có thể được trình bày, chia sẻ qua các nền tảng số. Các chủ đề cần được chọn lọc sao cho phù hợp với yêu cầu đào tạo của quân đội trong thời đại công nghệ 4.0.

Các nhà trường cần chú trọng phát triển hệ thống tài nguyên học tập số hóa và mô phỏng tình huống thực tế. Việc tích hợp các tài nguyên học tập số hóa giúp học viên có thể thực hành, làm việc nhóm, thảo luận và tìm giải pháp cho các tình huống một cách linh hoạt, sáng tạo. Điều này giúp củng cố kiến thức lý thuyết đã học, đồng thời phát triển khả năng tự học, phân tích và giải quyết vấn đề trong môi trường học tập hiện đại, đáp ứng mục tiêu đào tạo sĩ quan quân đội trong bối cảnh CDS. Nội dung dạy học cần phải được thiết kế đảm bảo tính tương tác và phản hồi trong quá trình học tập trải nghiệm số hóa. Các nền tảng học trực tuyến cần được thiết kế sao cho học viên có thể tham gia vào các hoạt động tương tác như thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi phản hồi, thực hiện các dự án nhỏ hoặc tham

gia vào các bài kiểm tra qua hệ thống. Trong các nội dung dạy học cần được thiết kế để giảng viên có điều kiện cung cấp phản hồi kịp thời và chi tiết đối với từng học viên để giúp họ nhận diện và cải thiện các kỹ năng còn thiếu. Ngoài ra, các hoạt động học tập cần được thiết kế sao cho học viên có thể tiếp nhận phản hồi từ các học viên khác, qua đó phát triển kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm, hai yếu tố quan trọng trong môi trường học tập số và nghề nghiệp sau này.

Bốn là, lựa chọn và sử dụng các phương pháp dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn phù hợp tạo điều kiện cho học viên học tập trải nghiệm trong môi trường số hóa

Phương pháp dạy học đóng vai trò quan trọng trong việc vận dụng LTHTTN vào dạy học các môn KHXH&NV. Các phương pháp dạy học cần được lựa chọn sao cho phù hợp với mục tiêu học tập và yêu cầu CDS. Một trong những phương pháp dạy học phù hợp để tạo điều kiện cho học viên học tập trải nghiệm trong môi trường số hóa là phương pháp học dựa trên dự án (Project-based Learning). Phương pháp này khuyến khích học viên tham gia vào các dự án thực tế, nơi họ phải vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để giải quyết các vấn đề trong các bối cảnh cụ thể. Đối với các môn KHXH&NV ở các TSQQĐ, giảng viên có thể thiết kế các dự án liên quan đến các tình huống xã hội, quân sự hoặc chính trị, đồng thời yêu cầu học viên sử dụng các công cụ số để thu thập, phân tích dữ liệu, thảo luận và phối hợp qua các nền tảng học trực tuyến để đề xuất giải pháp qua đó nắm vững lý thuyết, phát triển kỹ năng thực hành, khả năng làm việc nhóm và kỹ năng giải quyết vấn đề. Sử dụng phương pháp học hợp tác (Cooperative Learning) để tạo ra các nhóm học tập ảo, nơi các học viên có thể hợp tác thảo luận, chia sẻ thông tin và giải quyết các tình huống học tập liên quan đến các môn KHXH&NV. Việc sử dụng các công cụ cộng tác số như: Diễn đàn, nhóm trực tuyến và ứng dụng chia sẻ tài liệu giúp học viên có cơ hội học hỏi từ các học viên cùng nhóm, phát triển khả năng phân tích và đánh giá các quan điểm khác nhau từ đó mở rộng kiến thức và kỹ năng của bản thân. Sử dụng phương pháp học từ trải nghiệm (Experiential Learning). Trong môi trường số hóa, giảng viên có thể thiết kế các hoạt động học tập mô phỏng, tình huống giả định hoặc các bài học thực tế qua công nghệ số, cho phép học viên tham gia vào các tình huống tương tác và học qua việc làm. Phương pháp này giúp học viên không chỉ tiếp cận kiến thức một cách trực tiếp mà còn phát triển khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn, đồng thời phát triển các kỹ năng như: ra quyết định, phân

tích và giải quyết vấn đề. Việc sử dụng công nghệ số trong học tập trải nghiệm cũng giúp học viên nâng cao khả năng sử dụng các công cụ và phần mềm trong công việc thực tế sau này.

Năm là, đổi mới hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn có ứng dụng công nghệ thông tin theo tiếp cận trải nghiệm

Đổi mới hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học các môn KHXH&NV có ứng dụng công nghệ thông tin theo tiếp cận trải nghiệm tại các TSQQĐ là một yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh CĐS và nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là đối với đội ngũ sĩ quan tương lai. Giải pháp này không chỉ cải thiện phương pháp đánh giá mà còn khuyến khích học viên tham gia tích cực vào quá trình học tập và phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết trong thực tiễn. Để đạt được điều này, ngoài đánh giá kết quả cuối kỳ mà còn cần xem xét quá trình học tập, sự tham gia của học viên vào các hoạt động học tập, thảo luận, nghiên cứu. Cần phải thay đổi cách thức đánh giá theo hướng toàn diện, sáng tạo và ứng dụng công nghệ hiện đại. Một trong những phương thức hiệu quả để đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học là việc sử dụng các tình huống mô phỏng và bài tập thực tiễn. Hình thức này giúp học viên không chỉ thể hiện khả năng lý luận mà còn có thể rèn luyện kỹ năng tư duy phân biện, phân tích và giải quyết vấn đề-những kỹ năng quan trọng của một sĩ quan. Qua đó, giảng viên có thể theo dõi, đánh giá được năng lực áp dụng lý thuyết vào thực tế của từng học viên. Để phù hợp với xu thế CĐS, các bài kiểm tra trực tuyến và công cụ đánh giá số hóa cần được nghiên cứu áp dụng để tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đánh giá học viên một cách hiệu quả, tiện lợi và chính xác hơn. Các công cụ trực tuyến như bài kiểm tra trắc nghiệm, thảo luận trực tuyến sẽ giúp giảng viên theo dõi quá trình học tập của học viên một cách liên tục. Bên cạnh việc đánh giá kiến thức, các công cụ này cũng giúp kiểm tra khả năng tự học, khả năng ứng

dụng công nghệ thông tin và khả năng làm việc nhóm của học viên. Việc sử dụng phần mềm hoặc nền tảng học trực tuyến không chỉ giúp giảng viên tiết kiệm thời gian mà còn có thể đưa ra những phản hồi ngay lập tức, giúp học viên điều chỉnh, cải thiện kết quả học tập một cách nhanh chóng và hiệu quả.

3. Kết luận

Tóm lại, việc vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CĐS trong giáo dục là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ sĩ quan tương lai ở các TSQQĐ. Thời gian qua, để đáp ứng yêu cầu CĐS trong giáo dục, các TSQQĐ đã tăng cường ứng dụng các lý thuyết dạy học hiện đại để gắn kết giữa lý thuyết với thực tiễn, trong đó có vận dụng LTHTTN vào dạy học các môn KHXH&NV để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học viên trong quá trình học tập qua đó không chỉ phát triển kiến thức, kỹ năng chuyên môn mà còn hình thành năng lực và khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tế cho người học. Tuy nhiên, việc vận dụng LTHTTN trong dạy học các môn KHXH&NV vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định chưa đáp ứng được xu thế xây dựng “Nhà trường thông minh” và yêu cầu CĐS trong giáo dục ở các TSQQĐ. Vì vậy, để vận dụng LTHTTN vào dạy học các môn KHXH&NV đáp ứng yêu cầu CĐS đạt hiệu quả cao cần thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ yếu là: Nâng cao nhận thức cho các lực lượng sư phạm trong nhà trường; Thiết kế và hoàn thiện mục tiêu dạy học; Thiết kế và tích hợp các nội dung dạy học trải nghiệm trong chương trình, nội dung dạy học; Lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp với dạy học theo tiếp cận trải nghiệm và đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả. Thực hiện tốt các giải pháp này góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học các môn KHXH&NV theo LTHTTN đáp ứng yêu cầu CĐS trong giáo dục qua đó nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực quân sự chất lượng cao cho Quân đội trong tình hình mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hồ. T.B. (2020). *Chuyển đổi số thời Covid-19*. <https://tiasang.com.vn/khoa-hoccong-nghe/Chuyen-doi-so-thoi-Covid19-23135> (accessed May 20, 2020).
- Bộ Quốc phòng (2022). *Kế hoạch 588/KH-TM ngày 04/3/2022 của Tổng Tham mưu trưởng về “Chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục, đào tạo trong các nhà trường Quân đội giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”*. Hà Nội.
- Bộ Quốc phòng (2022). *Thông tư Quy định tổ chức dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn trong nhà trường Quân đội*. số 54/2022/TT-BQP ngày 19 tháng 7 năm 2022. Hà Nội.
- Phùng.H.C., Nguyễn.V.Đ. & Nguyễn.N.Q. (2023). Nghiên cứu đề xuất giải pháp chuyển đổi số trong giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn ở nhà trường quân đội. *Tạp chí Khoa học và công nghệ*. tập 8. số 8. Trường Đại học Thành Đông.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. tập 1. Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật. Hà Nội.

Dewey, J. (1938). *Kinh nghiệm và giáo dục* (Phạm Anh Tuấn dịch 2012). Nxb Trẻ. TP Hồ Chí Minh.

Bùi .Đ.D. (2021). *Vận dụng lý thuyết kiến tạo trong dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn ở các trường sĩ quan quân đội*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học. Học viện Chính trị. Hà Nội.

Lâm.H.Đ. (2024). *Vận dụng dạy học nêu vấn đề trong dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn ở các trường sĩ quan quân đội theo hướng phát triển năng lực người học*. Luận án tiến sĩ Lý luận và lịch sử giáo dục. Học viện Chính trị. Hà Nội.

Nguyễn.V.H. (2017). *Dạy học nghiệp vụ sư phạm dựa vào học tập trải nghiệm cho sinh viên đại học ngành sư phạm kỹ thuật*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Đặng.T.H. (2002). *Dạy học hiện đại: Lý luận - Biện pháp - Kỹ thuật*. Nxb Đại học Quốc gia. Hà Nội.

Kolb, D.A (1984). *Experiential Learning: experience as the source of learning and development*. Englewood Cliffs.NJ: Prentice Hall.

Đoàn.T.M.N & Nguyễn.T.H. (2018). Học tập trải nghiệm - lý thuyết và vận dụng vào hoạt động trải nghiệm trong môn học ở trường phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*. số 433 (Kì 1). tr36-40.

Bùi.T.N., Lê.V.T. & Lưu.Đ.L. (2020). Giáo dục đại học: cơ hội và thách thức trong chuyên đổi số. *Tạp chí Thông tin & truyền thông*. số 5+6. tháng 6/2020.

Quân ủy Trung ương (2022). *Nghị quyết về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới*. Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW ngày 20/12/2022. Hà Nội.

Lưu.H.T. (2022). *Thiết kế, sử dụng bài tập nhận thức trong dạy học các môn khoa học xã hội và nhân văn ở trường sĩ quan Quân đội theo tiếp cận năng lực*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục. Học viện Chính trị. Hà Nội.